CTCP Xây dựng và Đầu tư Visicons

FireAnt

Ngày 31/03/2024	15,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.3%	**32.7%**	**42.9%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,551 - 18,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	132
Số lượng CPLH (CP)	8,799,882
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,385
Sở hữu nước ngoài	11.0%
Beta	0.35
EPS	2,266
P/E	6.6

DT thuần
Q1/24
367
tỷ VNĐ
QoQ: ▼53.0| -12.7%
YoY: ▲ 232| 171%

LN trước thuế
Q1/24
5.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.71| -54.5%
YoY: ▲ 5.20| 1334%

LN sau thuế
Q1/24
4.47
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.36| -54.5%
YoY: ▲ 4.16| 1343%

ROA
2023
2.0%
+/- YoY: ▲ 0.7%

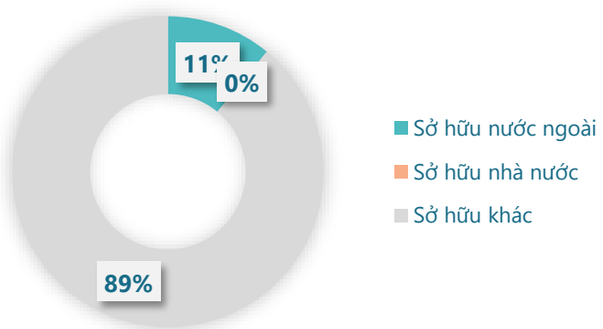
DT thuần
2023
1,283
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 497| 63.2%

LN trước thuế
2023
19.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.80| 65.7%

LN sau thuế
2023
15.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.89| 77.1%

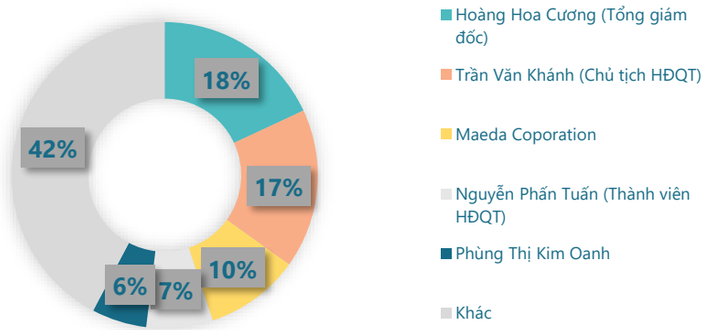
ROE
2023
11.5%
+/- YoY: ▲ 4.3%

Cơ cấu sở hữu



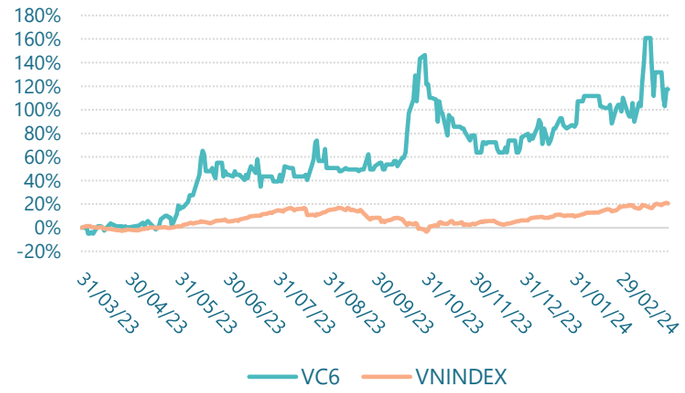
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

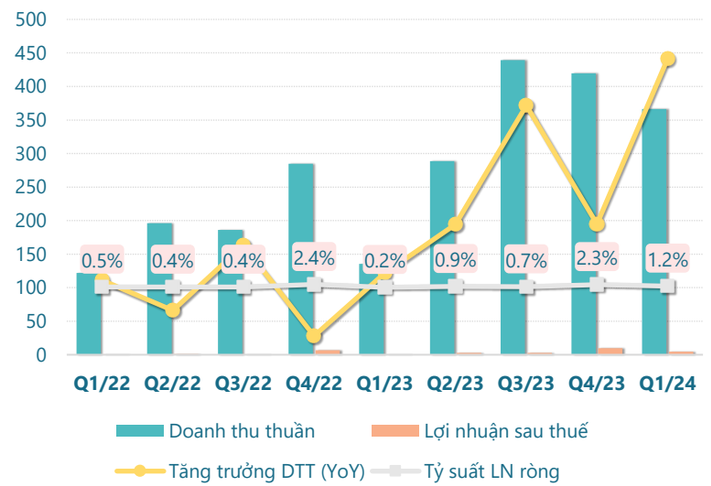
Tỷ suất lợi nhuận



CTCP Xây dựng và Đầu tư Visicons

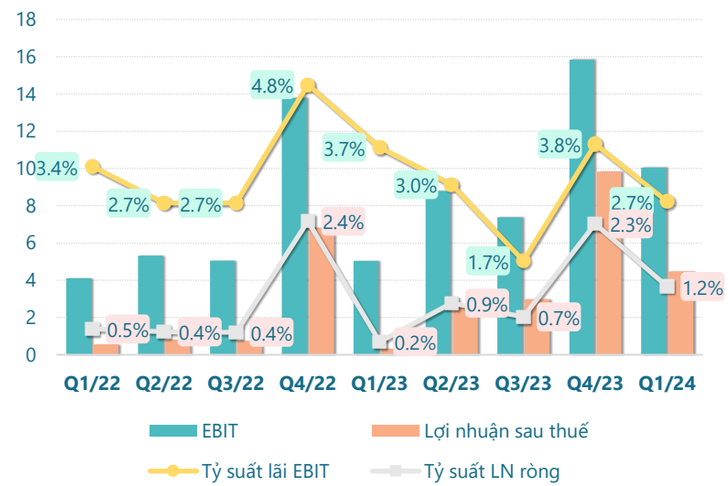
FireAnt

Kết quả kinh doanh



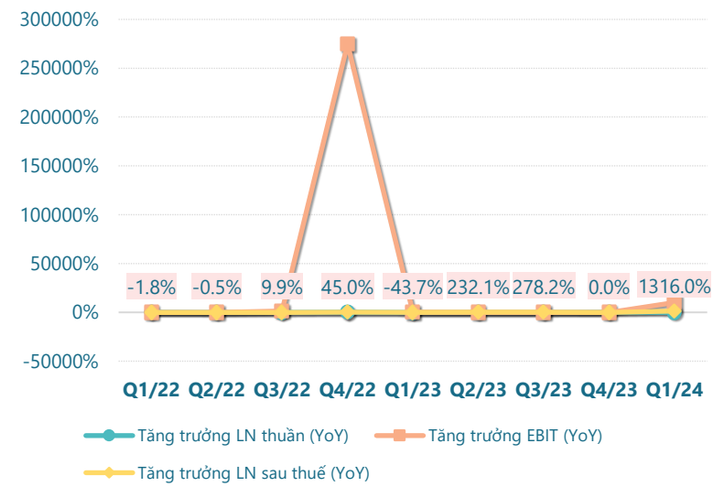
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



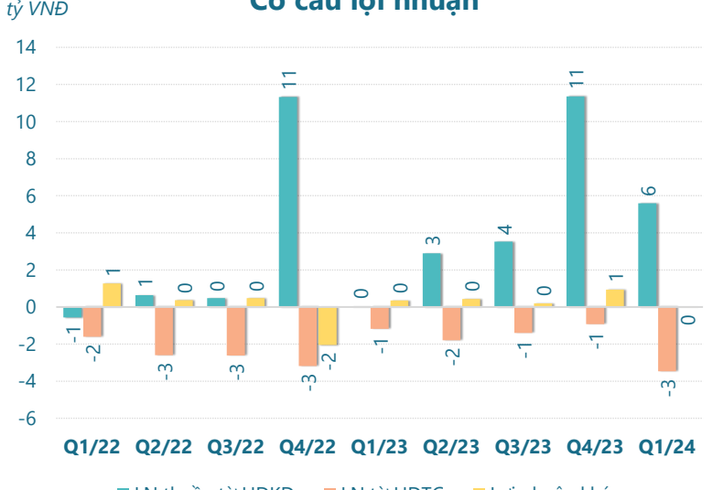
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



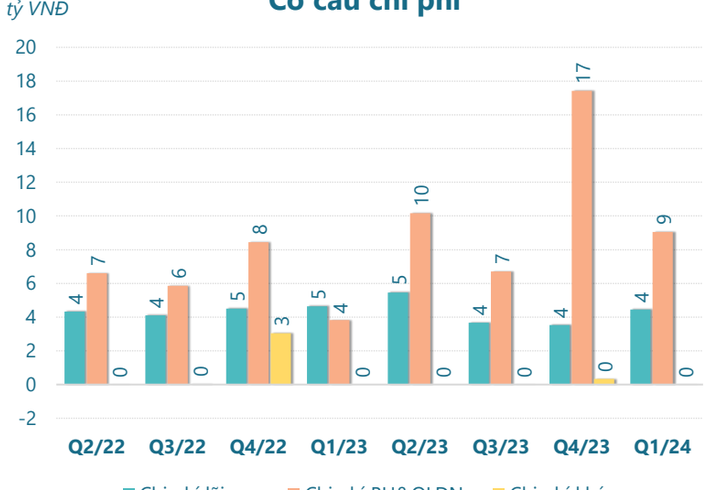
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



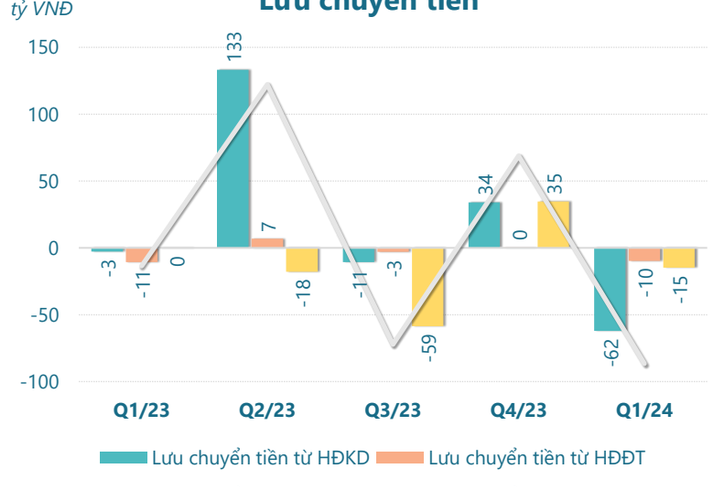
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

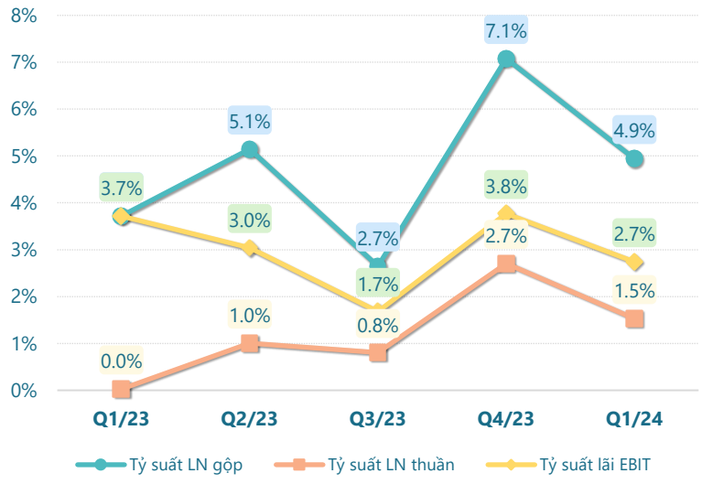


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Xây dựng và Đầu tư Visicons

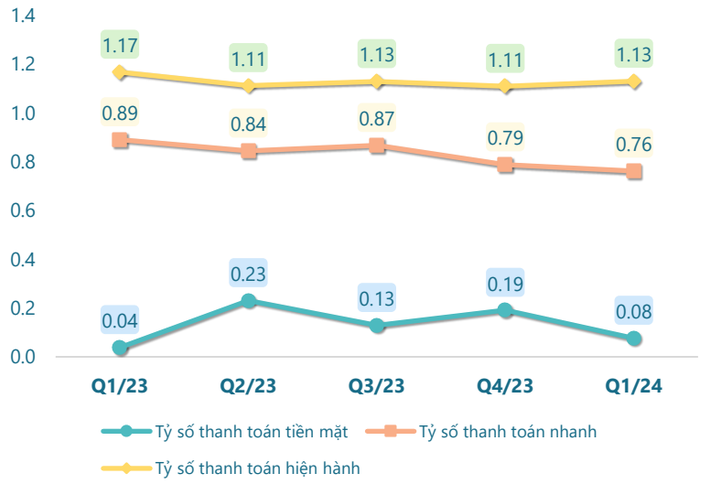
FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận



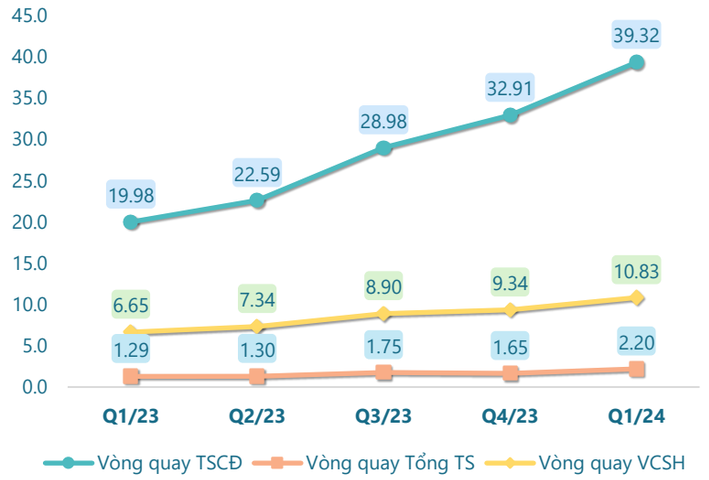
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



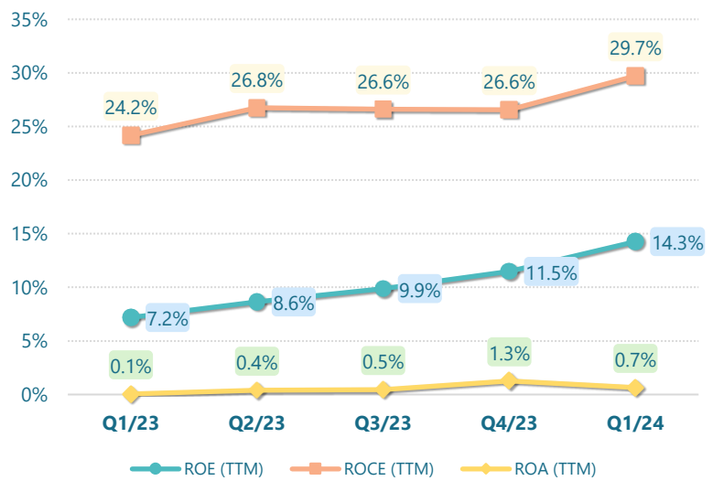
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



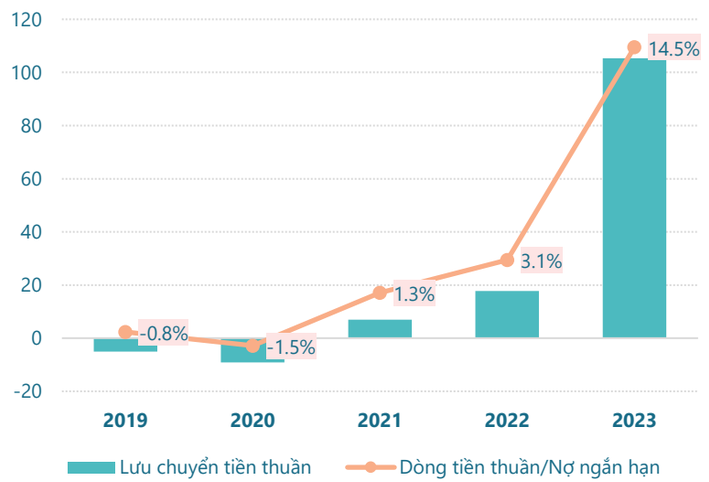
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



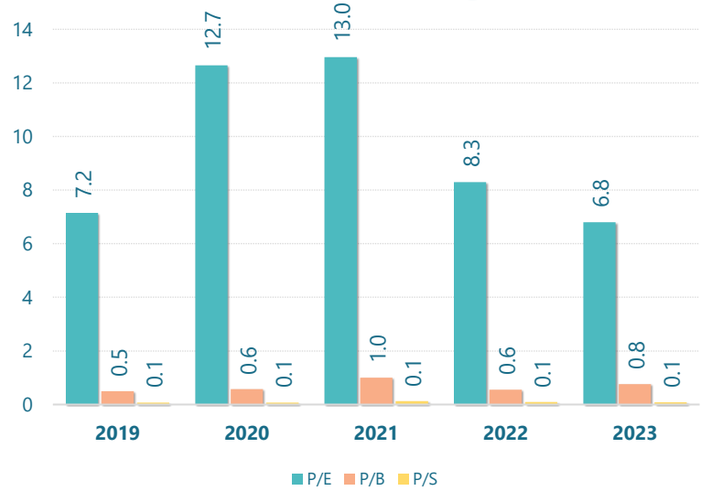
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)